

Số: 966 /TTr-UBND

Uông Bí, ngày 09 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc huỷ bỏ chủ trương đầu tư một số công trình được phê duyệt tại
Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND Thành phố**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XX - Kỳ họp thứ 12.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công".

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND Thành phố "Về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022";

Căn cứ Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về một số nội dung tại Hội nghị Ban Thường vụ chuyên đề tháng 5 năm 2023;

Sau khi rà soát nhu cầu đầu tư các công trình và được Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất tại Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023, UBND Thành phố báo cáo và kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt huỷ bỏ chủ trương đầu tư 09 công trình được phê duyệt tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND Thành phố như sau:

1. Huỷ bỏ chủ trương đầu tư 09 công trình có tổng mức đầu tư là 190,631 tỷ đồng được phê duyệt tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND Thành phố, cụ thể:

(1) Xây dựng Trụ sở mới phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 50,846 tỷ đồng.

(2) Khu dân cư sau Trạm Y tế phường Yên Thanh (tổ 18, khu Bí Giàng, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí) có tổng mức đầu tư là 12,045 tỷ đồng.

(3) Khu dân cư tổ 29 khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 20,4 tỷ đồng.

(4) Khu dân cư tổ 30,31 khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí (giáp công ty giấy da Sao Vàng) có tổng mức đầu tư là 20 tỷ đồng.

(5) Xây dựng cơ sở hạ tầng, GPMB khu dân cư phía đông 2 chợ trung tâm phường Phương Nam, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 15 tỷ đồng.

(6) Khu dân cư Cầu Sến, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 66,64 tỷ đồng.

(7) Xây dựng nhà văn hóa khu Phương An, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 3,5 tỷ đồng.

(8) Quy hoạch cấp đất xen cư tự xây tổ 5, khu 6, phường Thanh Sơn có tổng mức đầu tư là 1,5 tỷ đồng.

(9) Quy hoạch cấp đất ở xen cư tại tổ 5, khu 1, phường Trung Vương có tổng mức đầu tư là 0,7 tỷ đồng.

2. Lí do huỷ bỏ chủ trương đầu tư

- Các công trình không còn phù hợp với định hướng phát triển của Thành phố và đã loại ra khỏi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do vậy việc tiếp tục triển khai dự án là không cần thiết.

UBND Thành phố báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt để UBND Thành phố thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KT HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP khóa XX;
- CT các PCT UBND TP (b/c);
- Lưu: VT, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoà

TỜ TRÌNH
Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XX - Kỳ họp thứ 12.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND Thành phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách Thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2023”; Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 21/3/2023 của HĐND thành phố Uông Bí “Về việc phân bổ, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023”;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về một số nội dung tại Hội nghị Ban Thường vụ chuyên đề tháng 5 năm 2023;

Sau khi rà soát tiến độ thực hiện đầu tư, nhu cầu vốn đầu tư các công trình và được Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất tại Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023, UBND Thành phố báo cáo và kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 như sau:

1. Nội dung điều chỉnh

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2023 của 05 công trình đã phê duyệt quyết toán còn thừa kế hoạch vốn là 94,156 triệu đồng, cụ thể:

(1) Kè mương thoát nước khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 350 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 14,925 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 335,075 triệu đồng.

(2) Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND phường Thanh Sơn, TP Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 350 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 42,265 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 307,735 triệu đồng.

(3) Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 270 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 2,892 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 267,108 triệu đồng.

(4) Sửa chữa trạm bơm và các cống điều tiết nước, một số đoạn mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn khu Điền Công 1, Điền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 200 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 10,958 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 189,042 triệu đồng.

(5) Tuyến mương Đồng Giáng thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 450 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 25,116 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 424,884 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2023 cho 06 công trình đã phê duyệt quyết toán và 01 công trình có nhu cầu vốn là 2.094,156 triệu đồng từ kế hoạch vốn điều chỉnh giảm 94,156 triệu đồng và kế hoạch chưa phân bổ chi tiết 2.000 triệu đồng trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023, cụ thể:

(1) Tuyến đường xóm giữa đầu nối từ QL18A sang QL10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu Bí Trung 1, phường Phương Đông có kế hoạch vốn đã bố trí là 1.000 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh tăng là 228,759 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.228,759 triệu đồng.

(2) Hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và khu xen cư tại khu Tân Lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 3.000 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh tăng là 1.386,017 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 4.386,017 triệu đồng.

(3) Nâng cấp cải tạo tuyến mương thoát nước tổ 1, tổ 7 khu 5 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 270 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh tăng là 15,265 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 285,265 triệu đồng.

(4) Cầu bản giữa làng khu Chạp Khê, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 100 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh tăng là 40,434 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 140,434 triệu đồng.

(5) Tuyến mương từ nhà bà Đỗ Thị Nga đến khu đồng Đượng Chè, khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 250 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh tăng là 146,852 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 396,852 triệu đồng.

(6) Rãnh thoát nước khu 3, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 800 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh tăng là 87,558 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 887,558 triệu đồng.

(7) Nhà văn hóa khu 4, phường Vàng Danh, TP Uông Bí có kế hoạch vốn đã bố trí là 1.000 triệu đồng; kế hoạch vốn điều chỉnh tăng là 191,271 triệu đồng và kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.191,271 triệu đồng.

(Chi tiết có các phụ biểu kèm theo)

2. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 21/3/2023 của HĐND thành phố Uông Bí.

UBND Thành phố báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt để UBND Thành phố thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KT HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP khóa XX;
- CT các PCT UBND TP (b/c);
- Lưu: VT, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoà

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2023
(Kèm theo Tờ trình số 967/TTTr-UBND ngày 09/12/2023 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Quyết định phê duyệt			Lũy kế thực hiện đến 31/12/2022					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023	Điều hòa kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023			Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 sau điều chỉnh (tiền sử dụng đất)	Ghi chú
			Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tiền sử dụng đất		Tăng	Giảm			
								NS Thành phố	NS Xã, phường							
A	B	C	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
	TỔNG CỘNG	12			44.142	24.601,191	24.601,191	23.253,519	1.347,672	10.040,00	2.096,156	2.096,156	10.040,00			
A	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2023	12			44.142	24.601,191	24.601,191	23.253,519	1.347,672	8.040,00	2.096,156	96,156	10.040,00			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	2			29.777	15.123,519	15.123,519	15.123,519	0,000	4.000,000	1.614,776	0,000	5.614,776			
I	Tuyến đường xóm giữa đầu nối từ QL18A sang QL10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu Bí Trung 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	10833	13/12/2021	6.277	5.000,000	5.000,000	5.000,000		1.000,000	228,759		1.228,759	CT đã PDQT thiếu KH vốn		
2	Hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và khu xen cư tại khu Tân Lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	390	03/02/2021	23.500	10.123,519	10.123,519	10.123,519		3.000,000	1.386,017		4.386,017	CT có nhu cầu vốn		
II	UBND các xã, phường làm Chủ đầu tư	10			14.366	9.477,672	9.477,672	8.130,000	1.347,672	4.040,000	481,380	96,156	4.425,224			
II.1	UBND phường Quang Trung	1			1.038	650,000	650,000	650,000		350,000	0,000	14,925	335,075			
I	Kè mương thoát nước khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	6016	14/9/2022	1.038	650,000	650,000	650,000		350,000		14,925	335,075	CT đã PDQT thừa KH vốn		
II.2	UBND phường Thanh Sơn	2			2.588	1.939,758	1.939,758	1.160,000	779,758	620,000	15,265	42,265	593,000			
I	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	10846; 914	13/12/2021; 18/02/2022	1.916	1.579,758	1.579,758	800,000	779,758	350,000		42,265	307,735	CT đã PDQT thừa KH vốn		
2	Nâng cấp cải tạo tuyến mương thoát nước tổ 1, tổ 7 khu 5 phường Thanh Sơn	1	6019	14/9/2022	672	360,000	360,000	360,000		270,000	15,265		285,265	CT đã PDQT thiếu KH vốn		

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Quyết định phê duyệt			Lũy kế thực hiện đến 31/12/2022					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023	Điều hòa kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023		Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 sau điều chỉnh (tiền sử dụng đất)	Ghi chú
			Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tiền sử dụng đất	Tăng	Giảm			
								NS Thành phố	NS Xã, phường						
A	B	C	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
II.3	UBND phường Trung Vương	2			1.080	570,000	570,000	570,000		470,000		13,850	456,150		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên UBND phường Trung Vương	1	10855; 894	13/12/2021; 18/02/2022	489	200,000	200,000	200,000		270,000		2,892	267,108	CT đã PDQT thừa KH vốn	
2	Sửa chữa trạm bơm và các cống điều tiết nước, một số đoạn mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn khu Điền Công 1, Điền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	6023	14/9/2022	592	370,000	370,000	370,000		200,000		10,958	189,042	CT đã PDQT thừa KH vốn	
II.4	UBND phường Nam Khê	1			850	669,914	669,914	350,000	319,914	100,000	40,434		140,434		
1	Cầu bắc giữa làng khu Chạp Khê, phường Nam Khê	1	10859	13/12/2021	850	669,914	669,914	350,000	319,914	100,000	40,434		140,434	CT đã PDQT thiếu KH vốn	
II.5	UBND phường Phương Đông	1			2.056	1.550,000	1.550,000	1.550,000		250,000	146,852		396,852		
1	Tuyến mương từ nhà bà Đỗ Thị Nga đến khu đồng Dương Chè, khu Bí Thượng, phường Phương Đông	1	10862; 913	13/12/2021; 18/02/2022	2.056	1.550,000	1.550,000	1.550,000		250,000	146,852		396,852	CT đã PDQT thiếu KH vốn	
II.6	UBND phường Bắc Sơn	1			2.422	1.500,000	1.500,000	1.500,000		800,000	87,558		887,558		
1	Rãnh thoát nước khu 3, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	6025	14/9/2022	2.422	1.500,000	1.500,000	1.500,000		800,000	87,558		887,558	CT đã PDQT thiếu KH vốn	
II.7	UBND phường Vàng Danh	1			2.969	1.748,000	1.748,000	1.500,000	248,000	1.000,000	191,271		1.191,271		
1	Nhà văn hóa khu 4, phường Vàng Danh	1	10864; 904	13/12/2021; 18/02/2022	2.969	1.748,000	1.748,000	1.500,000	248,000	1.000,000	191,271		1.191,271	CT đã PDQT thiếu KH vốn	
II.8	UBND xã Thượng Yên Công	1			1.363	850,000	850,000	850,000		450,000		25,116	424,884		

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Quyết định phê duyệt			Lấy kế thực hiện đến 31/12/2022					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023	Điều hòa kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023		Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 sau điều chỉnh (tiền sử dụng đất)	Ghi chú
			Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tiền sử dụng đất		Tăng	Giảm		
								NS Thành phố	NS Xã, phường						
A	B	C	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Tuyển mương Đồng Giáng thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	6030	14/9/2022	1.363	850,000	850,000	850,000		450,000		25,116	424,884	CT đã PDQT thừa KH vốn	
B	Vốn chuẩn bị đầu tư, thực hiện nhiệm vụ quy hoạch									2.000,000		2.000,000	0,000		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Tờ trình số 967/TT-UBND ngày 09/5/2023 của UBND thành phố Vũng Bì)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2022					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 sau điều chỉnh										Ghi chú	
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Tiền sử dụng đất	Phí Yên từ	Trong đó			Nguồn cân đối chi thường xuyên sang chi đầu tư	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than		Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022 đánh cho ĐTXD
										NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường												
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
	TỔNG CỘNG	57						1.668.678	2.473.441	585.347	1.081.677	1.654	803.617	803.617	355.116	446.847	1.654	405.467	80.000	325.467	175.000	10.000	30.000	11.800	98.667				
A	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	1						18.345	18.345		18.345		15.432	15.432	0	15.432		1.000	1.000	1.000									
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	1						18.345	18.345		18.345		15.432	15.432	0	15.432		1.000	1.000	1.000									
I	Đường GT liên phường Trung Vương - Bắc Sơn, đoạn từ đập tràn nhà máy điện Uông Bí đến khu 12 khe (Đoạn từ cầu Hàu Thành đến đập tràn liên hợp (đập nhà ông Phi) khu 12 khe)	1	7613388	799	292		26/10/2012; 16/01/2020	18.345	18.345		18.345		15.432	15.432		15.432		1.000	1.000	1.000									
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2023	49						1.496.080	1.496.080	585.347	909.079	1.654	788.184	788.184	355.116	431.414	1.654	361.609	80.000	281.609	142.942	10.000	30.000		98.667				
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	18						943.504	943.504	130.000	813.504		380.270	380.270		380.270		348.374	80.000	268.374	131.707	8.000	30.000		98.667				
1	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài (Giai đoạn 2)	1	7807181	799	292		03/02/2021	150.000	150.000		150.000		102.831	102.831		102.831		42.000	42.000	42.000	12.000		30.000						
2	Chỉnh trang đường Trần Phú đoạn từ Quảng Trường 25.2 đến nút giao ngã tư Trần Phú - Lung Xanh, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7914781	799	312		21/8/2021	21.500	21.500		21.500		17.343	17.343		17.343		2.000	2.000	2.000	2.000								
3	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1	7918403	799	292		13/12/2021	289.758	289.758	130.000	159.758		75.768	75.768		75.768		158.000	80.000	78.000	8.000				70.000				
4	Tuyến đường nối giữa đầu mối từ QL18A sang QL10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu Bì Trung I, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7946728	799	292		13/12/2021	6.277	6.277		6.277		5.000	5.000		5.000		1.229	1.229	1.228.759					CT da PDQT				
5	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	7946727	799	072		13/12/2021	4.000	4.000		4.000		3.450	3.450		3.450		300	300	300	300								
6	Trường tiểu học Lê Lợi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7946726	799	072		13/12/2021	9.703	9.703		9.703		7.900	7.900		7.900		1.200	1.200	1.200	1.200								
7	Trường tiểu học Trung Vương, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	7946725	799	072		13/12/2021	5.945	5.945		5.945		5.150	5.150		5.150		500	500	500	500								
8	Xây dựng Trụ sở công an xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	7945911	799	041		13/12/2021	10.000	10.000		10.000		8.140	8.140		8.140		1.200	1.200	1.200	1.200								
9	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở trung tâm chính trị thành phố Uông Bí	1	7947110	799	341		13/12/2021	2.300	2.300		2.300		1.500	1.500		1.500		600	600	600	600								
10	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7946724	799	292		13/12/2021	3.821	3.821		3.821		2.000	2.000		2.000		1.500	1.500	1.500	1.500								
11	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7954757	799	292		16/3/2022	3.688	3.688		3.688		1.500	1.500		1.500		1.750	1.750	1.750	1.750								

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn					Lấy kế thực hiện đến 31/12/2022					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	Trong đó			Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó			Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Từ	Trong đó		Nguồn ngân sách năm 2022 dành cho ĐTXD		
										NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường									
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
12	Đường giao thông dân từ quốc lộ 10 đến chợ thành phố Uông Bí	1	7969459	799	292	4371	20/6/2022	25.000	25.000		25.000		9.000	9.000		9.000		14.200		14.200	200				14.000	
13	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	7968489	799	312	4373	20/6/2022	14.999	14.999		14.999		7.500	7.500		7.500		5.000		5.000	5.000					
14	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7972532	799	292	4372	20/6/2022	5.500	5.500		5.500		3.700	3.700		3.700		1.000		1.000	1.000					
	Cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất	4				391.014		391.014	391.014		269.763		74.678	74.678		74.678		117.895		117.895	103.228			14.667		
1	Khu Tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7752111	799	312	8877	30/10/2019	269.763	269.763		269.763		10.124	10.124		10.124		67.793		67.793	56.526			11.267		
2	Hà tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và khu xen cư tại khu Tân Lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7891498	799	312	390	03/02/2021	23.500	23.500		23.500		37.686	37.686		37.686		4.386		4.386	4.386.017					
3	Khu Tái định cư phía Tây ngã 3 Cầu Sến tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7402777	799	312	3896; 595; 6918	11/10/2012; 06/02/2013; 24/11/2017	84.187	84.187		84.187		7.182	7.182		7.182		40.516		40.516	40.516					
4	Khu dân cư, tái định cư khu Bì Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7954758	799	312	10842	13/12/2021	13.564	13.564		13.564		7.000	7.000		7.000		5.200		5.200	1.800			3.400		
II	BQL Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử	1						26.220	26.220	1.000	25.220		7.182	7.182	1.000	6.182		2.000		2.000	2.000	2.000				
I	Chăm sóc, bảo tồn các cây Xích Tung cổ tại Rừng quốc gia Yên Tử giai đoạn 2016-2020	1	7549737	799	161	4293	31/10/2017	26.220	26.220	1.000	25.220		7.182	7.182	1.000	6.182		2.000		2.000	2.000					
III	Ban chỉ huy quân sự Thành phố	1						69.377	69.377	37.377	32.000		21.426	21.426		21.426										
I	Hỗ trợ đầu tư Cầu cũ chiến đấu thành phố Uông Bí	1	7667740	760	011	6216	30/10/2017	69.377	69.377	37.377	32.000		21.426	21.426		21.426										
IV	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố	1						416.970	416.970	416.970			354.116	354.116		354.116										
I	Bãi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hà Long - Hải phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1)	1	7918346	799	292	2305T	14/7/2021	416.970	416.970		416.970		354.116	354.116		354.116										
V	UBND các xã, phường làm Chủ đầu tư	28						40.009	40.009		38.355	1.654	25.190	25.190		23.536	1.654	11.235		11.235	11.235					
V.1	UBND phường Quang Trung	4						9.499	9.499		9.499		4.550	4.550		4.550		3.835		3.835	3.835					
I	Xây dựng nhà văn hóa khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161	10843	13/12/2021	2.960	2.960		2.960		1.100	1.100		1.100		1.500		1.500	1.500					
2	Xây dựng đường thoát nước khu 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	312	10844	13/12/2021	2.537	2.537		2.537		1.000	1.000		1.000		1.200		1.200	1.200					
3	Kẻ đường thoát nước khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	312	6016	14/9/2022	1.038	1.038		1.038		650	650		650		335		335	335,075				CT đã PDQT	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2022						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 sau điều chỉnh							Ghi chú							
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường	Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó			Tăng số	Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Tiền sử dụng đất	Phí Yên Tử	Nguồn cân đối chi thường xuyên sang chi đầu tư	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022 dành cho BTXD									
														NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường									NS Tỉnh		NS Thành phố	NS Xã, phường					
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23								
4	Xây dựng hệ thống sạt lở suối thoát nước đoạn từ Cầu dân sinh tổ 5b, khu I đến đường Công vụ vào bãi đất Hàng Hùm (giai đoạn 2)	1	7171176	760	312	6017	14/9/2022	2.963	2.963		2.963		1.800	1.800		1.800		800	800	800													
V.2	UBND phường Thanh Sơn	4						3.486	3.486		3.486		2.612	2.612		1.776	836	743	743														
1	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	341	10846; 914	13/12/2021; 18/02/2022	1.916	1.916		1.916		780	1.580		800	780	308	308	307,735												CT đã PDQT	
2	Nâng cấp, mở rộng đường vào nhà Văn hóa khu 7, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	161	10848; 910	13/12/2021; 18/02/2022	306	306		250	56	306	306		250	56	150	150	0													
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến rãnh thoát nước tổ 3 khu 3, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	312	6018	14/9/2022	592	592		592		366	366		366		150	150														
4	Nâng cấp các tạo tuyến đường thoát nước tổ 1, tổ 7 khu 5 phường Thanh Sơn	1	7171179	760	312	6019	14/9/2022	672	672		672		360	360		360		285	285	285,265												CT đã PDQT	
V.3	UBND phường Yên Thanh	2						3.052	3.052		2.802	250	1.900	1.900		1.650	250	750	750														
1	Nâng cấp đường bê tông, xây dựng rãnh thoát nước tổ 17, khu B; Giảng, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí (Đoạn từ nhà ông Bùi Xuân Quyền đầu nói và dự án Tân Thành)	1	7171182	760	292	10851; 911	13/12/2021; 18/02/2022	1.091	1.091		841	250	700	700		450	250	250	250														
2	Nạo vét các tuyến đường phòng chống mưa lũ phường Yên Thanh thành phố Uông Bí	1	7171182	760	312	6020	14/9/2022	1.961	1.961		1.961		1.200	1.200		1.200		500	500	500													
V.4	UBND phường Trưng Vương	3						2.030	2.030		2.030		1.420	1.420		1.420		516	516	516													CT đã PDQT
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên UBND phường Trưng Vương	1	7171335	760	341	10855; 894	13/12/2021; 18/02/2022	489	489		489		200	200		200		267	267	267,108													
2	Đường nội đồng đoạn từ Lũ Lãi đến đầu ruộng nhà ông Thẩm thôn 2 (nay là khu Đền Công 2, phường Trưng Vương	1	7171335	760	292	10857; 906	13/12/2021; 18/02/2022	950	950		950		850	850		850		60	60	60													
3	Sửa chữa trạm bơm và các công trình tiết nước, một số đoạn đường nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn khu Đền Công 1, Đền Công 2, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	283	6023	14/9/2022	592	592		592		370	370		370		189	189	189,042													CT đã PDQT
V.5	UBND phường Nam Khê	2						1.387	1.387		1.067	320	1.040	1.040		720	320	240	240														
1	Cầu bắc giữa làng khu Chạp Khê, phường Nam Khê	1	7171185	760	312	10859	13/12/2021	850	850		530	320	670	670		350	320	140	140	140,434													CT đã PDQT
2	Xử lý sụt lún đường giao thông giữa làng khu Chạp Khê sau mưa bão (đoạn từ công nhà thờ Chạp Khê đến nhà ông Mến)	1	7171185	760	292	6024	14/9/2022	537	537		537		370	370		370		100	100	100													
V.6	UBND phường Phương Nam	1						749	749		749		450	450		450		200	200	200													
1	Sửa chữa, thay thế thiết bị các công trình tiết nước trên địa bàn phường Phương Nam	1	7171190	760	312	6021	14/9/2022	749	749		749		450	450		450		200	200	200													
V.7	UBND phường Phương Đông	3						6.460	6.460		6.460		4.550	4.550		4.550		1.247	1.247	1.247													

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn					Lấy kế thực hiện đến 31/12/2022						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường	Giá trị khối lượng	Tổng số	NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường	Tổng số	Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Nguồn cân đối chi thường xuyên sang chi đầu tư	Phi Bảo vệ môi trường từ sách năm khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022 dành cho ĐTXD		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
1	Tuyến đường từ nhà bà Đỗ Thị Nga đến khu đồng Dương Chi, khu Bì Thượng, phường Phương Đông	1	7171188	760	283	10862; 913	13/12/2021; 18/02/2022	2.056	2.056		2.056		1.550	1.550		1.550	1.550		397		397	396,852				CT da PDQT	
2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hương tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	7171188	760	292	6022	14/9/2022	2.460	2.460		2.460		1.500	1.500		1.500	1.500		600	600	600						
3	Xây dựng tuyến đường từ tổ 2 đến tổ 3, khu Đông Minh, phường Phương Đông	1	7171188	760	283	10863; 909	13/12/2021; 18/02/2022	1.944	1.944		1.944		1.500	1.500		1.500	1.500		250	250	250						
V.8	UBND phường Bắc Sơn	2						3.017	3.017		3.017		1.860	1.860		1.860	1.860		1.038	1.038	1.038						
1	Rãnh thoát nước khu 3, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171167	760	312	6025	14/9/2022	2.422	2.422		2.422		1.500	1.500		1.500	1.500		888	888	887,558				CT da PDQT		
2	Nạo vét Đập Rừng Thông khu 4, phường Bắc Sơn	1	7171167	760	312	6026	14/9/2022	595	595		595		360	360		360	360		150	150	150						
V.9	UBND phường Vàng Danh	5						7.021	7.021		7.021		4.358	4.358		4.110	248	2.141	2.141	2.141	2.141	1.191,271			CT da PDQT		
1	Nhà văn hóa khu 4, phường Vàng Danh	1	7171160	760	161	10864; 904	13/12/2021; 18/02/2022	2.969	2.969		2.969		1.748	1.748		1.500	248	1.191	1.191	1.191	1.191,271						
2	Quy hoạch cấp đất xen cư phía Đông cầu Miếu Thán 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí; Hạng mục: Đường điện, cấp nước sinh hoạt, vỉa hè, vườn hoa, sân thể thao	1	7171160	760	312	4496	23/6/2022	1.145	1.145		1.145		800	800		800	800		200	200	200						
3	Xử lý sụt lún và cải tạo đường dân sinh tổ 5, khu 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	7171160	760	292	6027	14/9/2022	217	217		217		130	130		130	130		50	50	50						
4	Cải tạo, nâng cấp Đập tràn Miếu Thán, phường Vàng Danh	1	7171160	760	292	6028	14/9/2022	1.893	1.893		1.893		1.200	1.200		1.200	1.200		500	500	500						
5	Xử lý sụt lún và cải tạo khuôn viên Nhà văn hóa khu 1, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	7171160	760	161	6029	14/9/2022	798	798		798		480	480		480	480		200	200	200						
V.10	UBND xã Thượng Yên Công	2						3.308	3.308		3.308		2.450	2.450		2.450	2.450		525	525	525						
1	Tuyến đường nội đồng sang khu cảnh đồng xóm ông Hồng thôn Đông Chánh, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	7171194	760	292	10936; 838	14/12/2021; 15/02/2022	1.944	1.944		1.944		1.600	1.600		1.600	1.600		100	100	100						
2	Tuyến đường Đồng Giàng thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	7171194	760	283	6030	14/9/2022	1.363	1.363		1.363		850	850		850	850		425	425	424,884				CT da PDQT		
C	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2023	7						154.253	959.015		154.253							31.800	31.800	31.800	20.000						
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	7						154.253	959.015		154.253							31.800	31.800	31.800	20.000						
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí	1	7998646	799	074	7643	30/11/2022	137.000	137.000		137.000							20.000	20.000	20.000							
2	Kẻ đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Lán Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8016383	799	312	581	23/02/2023	1.038	1.038		1.038							1.000	1.000	1.000							

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn					Lấy kế thực hiện đến 31/12/2022					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 sau điều chỉnh										Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó			Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ		Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	

Số: 963 /TTr-UBND

Uông Bí, ngày 09 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình
Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XX - Kỳ họp thứ 12.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của HĐND Thành phố “Về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố”;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1070 - TB/TU ngày 09/5/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương điều chỉnh đầu tư công trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND thành phố Uông Bí “Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí tại phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh”;

Sau khi rà soát các vị trí, quy mô đầu tư công trình theo nội dung điều chỉnh quy hoạch và được Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất tại Thông báo kết luận số 1070 - TB/TU ngày 09/5/2023, UBND Thành phố báo cáo và kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt điều chỉnh chủ trương công trình Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí như sau:

1. Nội dung điều chỉnh

- Điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án từ 140 tỷ đồng còn 120 tỷ đồng.
- Không thực hiện phá dỡ; chỉ thực hiện cải tạo, nâng cấp Nhà học 3 tầng 18 lớp và Nhà thực hành thí nghiệm đồng bộ với các công trình được đầu tư xây dựng mới.
- Điều chỉnh giảm diện tích xây dựng đối với các hạng mục công trình như sau: (1) Nhà hiệu bộ từ 456,85 m² còn 356,65 m²; (2) Nhà học 5 tầng từ

1.008,9 m² còn 843,85 m²; (3) Nhà học bộ môn từ 1.047,52 m² còn 928,64 m²; (4) Bể bơi + nhà tắm trắng từ 648 m² còn 527,23 m².

- Không thực hiện phá dỡ đối với Nhà vệ sinh hiện trạng và giữ nguyên.

2. Lí do điều chỉnh

- Dự án đã được điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND Thành phố) do vậy việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án là cần thiết.

- Không thực hiện phá dỡ đối với các hạng mục công trình còn giá trị tài sản còn lại chưa đủ điều kiện thực hiện phá dỡ.

- Khi điều chỉnh mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính (tổng mức đầu tư giảm 20 tỷ đồng).

3. Tổng mức đầu tư dự án sau điều chỉnh: 120 tỷ đồng.

4. Quy mô đầu tư sau khi điều chỉnh

a) Các công trình thực hiện phá dỡ do xuống cấp, giá trị tài sản còn lại đủ điều kiện thực hiện phá dỡ:

- Phá dỡ nhà hiệu bộ (nhà A), nhà thư viện (nhà F), Nhà 2 tầng 4 phòng học (nhà G), nhà bảo vệ, cổng tường rào phía Đông, Nam, Bắc.

b) Các công trình cải tạo nâng cấp:

- Nhà học 3 tầng (nhà B): Cải tạo, nâng cấp các phòng học, bổ sung khu vệ sinh nam nữ tại từng tầng, cải tạo kiến trúc theo kiến trúc hiện đại của các công trình được đầu tư xây dựng mới, tạo sự đồng bộ, thống nhất về kiến trúc giữa các công trình.

- Nhà học 3 tầng (nhà E): Cải tạo, sơn lại cho đồng bộ với các công trình mới đầu tư.

- Nhà thực hành thí nghiệm (nhà C): Cải tạo sơn sửa mặt ngoài công trình.

- Nhà đa năng (nhà D): Trát, gắn vữa, ốp lát các khu vực trong nhà xuống cấp, sơn lại toàn bộ cho đồng bộ với các công trình mới đầu tư, sửa chữa mái tôn và một số cửa bị hỏng.

- Các công trình phụ trợ: Cải tạo cổng, tường rào phía Tây; cải tạo sân trường, bồn hoa cây xanh, đường dẫn nối hạ tầng kỹ thuật...

c) Các công trình xây mới:

- Xây mới Nhà học 5 tầng có diện tích xây dựng khoảng 843,85m²; chiều cao từ +22,75m đến +23,25m, trong đó chiều cao các tầng là 3,9m, chiều cao mái từ 2,5m đến 3m; Cốt nền xây dựng tầng 1 (± 0.000) là +0,75m so với cốt sân hoàn thiện.

- Xây mới Nhà hiệu bộ 4 tầng có diện tích xây dựng khoảng 356,65m²; chiều cao từ +18,15m đến +18,85m, trong đó chiều cao các tầng là 3,9m, chiều

cao mái từ 1,8m đến 2,5m; Cốt nền xây dựng tầng 1 (± 0.000) là +0,75m so với cốt sàn hoàn thiện.

- Xây mới 01 Nhà cầu kết nối từ tầng 3 nhà học 5 tầng xây mới sang tầng 3 nhà học 3 tầng (nhà E) có diện tích xây dựng khoảng $54m^2$.

- Xây mới 01 Nhà vệ sinh có diện tích xây dựng khoảng $90,9m^2$; Trạm xử lý nước thải có diện tích xây dựng khoảng $42,40m^2$; Bể bơi + nhà tắm trắng có diện tích xây dựng khoảng $527,23m^2$.

- Xây mới Khu giáo dục thể chất (Đường chạy 100, hồ nhảy xa, sân bóng rổ...) các công trình phụ trợ (Cổng, tường rào phía Đông, Nam, Bắc, Nhà bảo vệ) và các công trình hạ tầng kỹ thuật như trạm biến áp; nhà bom, hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy ngoài nhà.

- Di dời trạm biếp áp, nhà để xe.....

5. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của HĐND Thành phố.

UBND Thành phố báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt để UBND Thành phố thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KT HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP khóa XX;
- CT các PCT UBND TP (b/c);
- Lưu: VT, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoà

Số: 965 /TTr-UBND

Uông Bí, ngày 09 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Quyết định chủ trương đầu tư công trình Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XX - Kỳ họp thứ 12.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND Thành phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách Thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2023”;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1071 - TB/TU ngày 09/5/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương phê duyệt đầu tư công trình Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí;

Sau khi rà soát nhu cầu xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND Thành phố theo Văn bản số 669/KHĐT-THQH ngày 03/3/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và được Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất tại Thông báo kết luận số 1071 - TB/TU ngày 09/5/2023, UBND Thành phố báo cáo và kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí.
2. Chủ đầu tư: BQLDA đầu tư xây dựng.
3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Tổ chức, cá nhân và nhân dân trong khu vực.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí.
5. Dự án nhóm B.

6. Tổng vốn thực hiện dự án là 147 tỷ đồng (ngân sách Thành phố).

7. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2026.

8. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: BQLDA đầu tư xây dựng.

9. Các thông tin khác:

9.1. Mục tiêu đầu tư:

- Đảm bảo môi trường làm việc cho các bộ, công chức và người lao động của cơ quan UBND thành phố Ưông Bí.

9.2. Quy mô đầu tư

a) Xây mới Trụ sở làm việc UBND Thành phố (8 tầng và 1 tum)

- Diện tích xây dựng khoảng 1.196,4 m² có 8 tầng và 1 tum; gồm các phòng làm việc, khu vực để xe cơ quan, phòng lái xe và các khu vực công cộng phụ trợ khác như nhà vệ sinh, hành lang, cầu thang, kho đặc thù, sảnh chính.

- Công trình có chiều cao là +33,0m trong đó Tầng 1 cao 3,0m; tầng 2, tầng 8 cao 4,2m; tầng 3-7, tầng tum cao 3,6m; cốt +0.000 cao hơn cốt mặt sân hoàn thiện là +0,3m.

- Công trình có kết cấu khung BTCT chịu lực, tường bao bằng gạch không nung VXM75, tường trong và ngoài trát VXM75, trần trát VXM75; Cửa đi và cửa sổ, vách kính dùng cửa nhôm kính.

- Toàn bộ tường công trình lăn sơn trực tiếp màu nhạt (1 nước lót, 2 nước màu), Cột và mảng tường trang trí mặt đứng sơn màu đậm (1 nước lót, 2 nước màu), phào chỉ lăn sơn trực tiếp màu trắng, chân tường ốp gạch.

- Hệ thống kỹ thuật công nghệ trong công trình: Sử dụng thiết bị chất lượng cao phù hợp với từng công năng của công trình.

b) Cải tạo trụ sở Trung tâm bồi dưỡng chính trị (03 tầng):

- Cải tạo toàn bộ kiến trúc mặt đứng, công năng của 1 số phòng làm việc để phù hợp với không gian cảnh quan xung quanh và trụ sở làm việc thành ủy Ưông Bí hiện trạng.

- Cải tạo cổng tường rào xung quanh.

c) Cải tạo trụ sở liên cơ quan (04 tầng):

- Cải tạo toàn bộ kiến trúc mặt đứng phù hợp với nhu cầu sử dụng, không gian cảnh quan xung quanh so với trụ sở UBND TP. Ưông Bí xây mới;

- Điều chỉnh công năng của các phòng thành phòng ăn và phòng bếp ở tầng 1 và tầng 2, phòng khách và phòng công vụ ở tầng 3 và tầng 4.

d) Xây dựng mới và cải tạo cụm phụ trợ:

- Cải tạo cổng tường rào Trụ sở UBND TP. Ưông Bí.

- Cải tạo cổng tường rào Trung tâm chính trị thành phố.

- Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác: trạm biến áp, sân đường bê tông, bồn hoa cây xanh, cấp thoát nước ngoài nhà,...

e) Phá dỡ nhà trụ sở UBND Thành phố hiện trạng.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- UBND Thành phố đã báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý triển khai thực hiện tại Thông báo kết luận số 1071 - TB/TU ngày 09/5/2023.

- UBND Thành phố đã giao cho phòng Quản lý đô thị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án tại Văn bản số 1415/UBND-TCKH ngày 09/5/2023 đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

- Công trình đã được Hội đồng thẩm định Thành phố thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số 17/BC-QLĐT ngày 09/5/2023 của phòng Quản lý đô thị.

2. Báo cáo thẩm định nội bộ số 121/BC-TCKH ngày 09/5/2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố.

3. Báo cáo thẩm định số 17/BC-HĐTĐ ngày 09/5/2023 của Hội đồng thẩm định Thành phố.

UBND Thành phố báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt để UBND Thành phố thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KT HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP khóa XX;
- CT các PCT UBND TP (b/c);
- Lưu: VT, TC-KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hoà

Số: 964 /TTr-UBND

Uông Bí, ngày 09 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình
thực hiện giai đoạn 2023-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XX - Kỳ họp thứ 12.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND Thành phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách Thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2023”;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về một số nội dung tại Hội nghị Ban Thường vụ chuyên đề tháng 5 năm 2023;

Sau khi rà soát nhu cầu và tính cấp thiết đầu tư các công trình và được Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất tại Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023; UBND Thành phố báo cáo và kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư công trình thực hiện giai đoạn 2023-2025 như sau:

Tổng số 06 công trình với tổng mức đầu tư 40.524,31 triệu đồng; cụ thể:

(1) Xử lý sạt lở mái ta luy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 10.424,31 triệu đồng; kế hoạch vốn dự kiến bố trí là 10.424,31 triệu đồng (*Chi tiết có phụ lục số 01 kèm theo*).

(2) Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh có tổng mức đầu tư là 14.500 triệu đồng; kế hoạch vốn dự kiến bố trí là 14.500 triệu đồng (*Chi tiết có phụ lục số 02 kèm theo*).

(3) Chính trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là

5.000 triệu đồng; kế hoạch vốn dự kiến bố trí là 5.000 triệu đồng (*Chi tiết có phụ lục số 03 kèm theo*).

(4) Chỉnh trang cầu Sông Sinh 2, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.200 triệu đồng; kế hoạch vốn dự kiến bố trí là 1.200 triệu đồng (*Chi tiết có phụ lục số 04 kèm theo*).

(5) Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.600 triệu đồng; kế hoạch vốn dự kiến bố trí là 1.600 triệu đồng (*Chi tiết có phụ lục số 05 kèm theo*).

(6) Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 7.800 triệu đồng; kế hoạch vốn dự kiến bố trí là 7.800 triệu đồng (*Chi tiết có phụ lục số 06 kèm theo*).

UBND Thành phố báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt để UBND Thành phố thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KT HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP khóa XX;
- CT các PCT UBND TP (b/c);
- Lưu: VT, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoà

Phụ lục 01

Chủ trương đầu tư dự án: Xử lý sạt lở mái taluy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí

(Kèm theo Tờ trình số 964/TTr-UBND ngày 09/5/2023 của UBND Thành phố)

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xử lý sạt lở mái taluy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí.

2. Chủ đầu tư: BQLDA đầu tư xây dựng.

3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Tổ chức, cá nhân và nhân dân trong khu vực.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí.

5. Tổng vốn thực hiện dự án: 10.424,31 triệu đồng (ngân sách Thành phố), trong đó chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB là 300 triệu đồng; dự kiến kế hoạch bố trí vốn năm 2024 là 4.200 triệu đồng và năm 2025: phần còn lại.

6. Dự án nhóm C

7. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.

8. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: BQLDA đầu tư xây dựng.

9. Các thông tin khác:

9.1. Mục tiêu đầu tư:

- Kịp thời gia cố, xử lý mái taluy dương khu vực có nguy cơ sạt lở cao trước mùa mưa bão trên tuyến đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh. Đảm bảo an toàn cho người dân đi lại, phòng chống kịp thời hậu quả thiên tai.

9.2. Quy mô đầu tư

- Đào hạ thấp mái dốc taluy dương, xây dựng lại hệ thống rãnh dọc, rãnh cơ, rãnh đỉnh, bậc nước đảm bảo tiêu thoát nước mái taluy dương.

- Xây tường chắn đất bê tông, chiều cao trung bình $H=2m$.

- Gia cố bề mặt taluy.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- UBND Thành phố đã báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý triển khai thực hiện tại Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023.

- UBND Thành phố đã giao cho phòng Quản lý đô thị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án tại Văn bản số 1415/UBND-TCKH ngày 09/5/2023

đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

- Công trình đã được Hội đồng thẩm định Thành phố thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số 11/BC-QLĐT ngày 09/5/2023 của phòng Quản lý đô thị.

2. Báo cáo thẩm định nội bộ số 115/BC-TCKH ngày 09/5/2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố.

3. Báo cáo thẩm định số 11/BC-HĐTĐ ngày 09/5/2023 của Hội đồng thẩm định Thành phố.

Phụ lục 02

Chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh

(Kèm theo Tờ trình số 964/TTr-UBND ngày 09/5/2023 của UBND Thành phố)

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh.
2. Chủ đầu tư: BQLDA đầu tư xây dựng.
3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Tổ chức, cá nhân và nhân dân trong khu vực.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.
5. Tổng vốn thực hiện dự án: 14.500 triệu đồng (ngân sách Thành phố). Dự kiến kế hoạch bố trí vốn năm 2023 là 5.800 triệu đồng và năm 2024, 2025: Phần còn lại.

6. Dự án nhóm C

7. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.

8. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: BQLDA đầu tư xây dựng.

9. Các thông tin khác:

9.1. Mục tiêu đầu tư:

- Cải tạo công trình đã xuống cấp và góp phần hoàn thiện kiến trúc khu vực, nâng cấp đô thị, đảm bảo hài hòa không gian kiến trúc cảnh quan, tạo diện mạo mới về mỹ quan cho thành phố. Hướng tới mục tiêu xây dựng thành phố Uông Bí cơ bản hoàn thành các tiêu chí của đô thị loại I vào năm 2025.

9.2. Quy mô đầu tư

- Cải tạo mặt ngoài, sơn lại toàn bộ trong ngoài Nhà hát.
- Sửa chữa mái tầng ba.
- Cải tạo hành lang mặt trước của tầng ba để bố trí thành phòng làm việc.
- Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh.
- Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện.
- Sơn lại lan can cầu thang.
- Sửa chữa, gắn vá các chỗ bị nứt, vỡ.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- UBND Thành phố đã báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý triển khai thực hiện tại Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023.

- UBND Thành phố đã giao cho phòng Quản lý đô thị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án tại Văn bản số 1415/UBND-TCKH ngày 09/5/2023 đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

- Công trình đã được Hội đồng thẩm định Thành phố thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số 12/BC-QLĐT ngày 09/5/2023 của phòng Quản lý đô thị.

2. Báo cáo thẩm định nội bộ số 116/BC-TCKH ngày 09/5/2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố.

3. Báo cáo thẩm định số 12/BC-HĐTĐ ngày 09/5/2023 của Hội đồng thẩm định Thành phố.

Phụ lục 03

Chủ trương đầu tư dự án: Chinh trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí
(Kèm theo Tờ trình số 964/TTr-UBND ngày 09/5/2023 của UBND Thành phố)

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Chinh trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.
2. Chủ đầu tư: BQLDA đầu tư xây dựng.
3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Tổ chức, cá nhân và nhân dân trong khu vực.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.
5. Tổng vốn thực hiện dự án: 5.000 triệu đồng (ngân sách Thành phố); phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Nhân dân hiến đất, vật kiến trúc để bàn giao mặt bằng thi công; dự kiến kế hoạch bố trí vốn năm 2023 là 2.000 triệu đồng và năm 2024, 2025: Phần còn lại.
6. Dự án nhóm C
7. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.
8. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: BQLDA đầu tư xây dựng.
9. Các thông tin khác:
 - 9.1. Mục tiêu đầu tư:
 - Giải quyết tình trạng ngập, lụt mùa mưa bão, cải thiện mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường.
 - 9.2. Quy mô đầu tư
 - Xây dựng mới hệ thống rãnh thoát nước chịu lực xây gạch giữa đường B=1000mm, tấm đan BTCT dày 15cm, rãnh xương cá thu nước 2 bên đường.
 - Cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến đường.
 - Nâng cấp thảm bê tông nhựa B_{mặt}= 5,5m (bao gồm rãnh tam giác B_{tg}=2x0,25m), chiều dài tuyến L = 265m.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- UBND Thành phố đã báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý triển khai thực hiện tại Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023.
- UBND Thành phố đã giao cho phòng Quản lý đô thị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án tại Văn bản số 1415/UBND-TCKH ngày 09/5/2023

đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

- Công trình đã được Hội đồng thẩm định Thành phố thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số 13/BC-QLĐT ngày 09/5/2023 của phòng Quản lý đô thị.

2. Báo cáo thẩm định nội bộ số 117/BC-TCKH ngày 09/5/2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố.

3. Báo cáo thẩm định số 13/BC-HĐTĐ ngày 09/5/2023 của Hội đồng thẩm định Thành phố.

Phụ lục 04

Chủ trương đầu tư dự án: Chinh trang cầu Sông Sinh 2, thành phố Uông Bí
(Kèm theo Tờ trình số 964/TTr-UBND ngày 09/5/2023 của UBND Thành phố)

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Chinh trang cầu Sông Sinh 2, thành phố Uông Bí.
2. Chủ đầu tư: BQLDA đầu tư xây dựng.
3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Tổ chức, cá nhân và nhân dân trong khu vực.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.
5. Tổng vốn thực hiện dự án: 1.200 triệu đồng (ngân sách Thành phố); Dự kiến kế hoạch bố trí vốn năm 2023 là 500 triệu đồng và năm 2024, 2025: Phần còn lại.
6. Dự án nhóm C
7. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.
8. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: BQLDA đầu tư xây dựng.
9. Các thông tin khác:
 - 9.1. Mục tiêu đầu tư:
 - Chinh trang đô thị, đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường, góp phần hoàn thiện kiến trúc khu vực, nâng cấp đô thị, đảm bảo hài hòa không gian kiến trúc cảnh quan, tạo diện mạo mới về mỹ quan của Thành phố.
 - 9.2. Quy mô đầu tư
 - Thay thế các khe co giãn mặt cầu cũ hiện trạng từ khe cao su đã sử dụng lâu ngày sang khe co giãn bản thép răng lược.
 - Gia cố 02 khe dọc giữa mặt cầu hiện trạng và phần cầu cạp mở rộng.
 - Cào bỏ lớp asphalt mặt cầu cũ, thảm lại 1 lớp C12.5 dày 5cm.
 - Di chuyển đường ống nước sinh hoạt và đường điện trung thế treo trên các dầm cầu để đảm bảo an toàn.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- UBND Thành phố đã báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý triển khai thực hiện tại Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023.
- UBND Thành phố đã giao cho phòng Quản lý đô thị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án tại Văn bản số 1415/UBND-TCKH ngày 09/5/2023 đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

- Công trình đã được Hội đồng thẩm định Thành phố thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số 14/BC-QLĐT ngày 09/5/2023 của phòng Quản lý đô thị.

2. Báo cáo thẩm định nội bộ số 118/BC-TCKH ngày 09/5/2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố.

3. Báo cáo thẩm định số 14/BC-HĐTĐ ngày 09/5/2023 của Hội đồng thẩm định Thành phố.

Phụ lục 05

Chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí

(Kèm theo Tờ trình số 964/TTr-UBND ngày 09/5/2023 của UBND Thành phố)

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí
2. Chủ đầu tư: BQLDA đầu tư xây dựng.
3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Tổ chức, cá nhân và nhân dân trong khu vực.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Phương Nam, thành phố Uông Bí.
5. Tổng vốn thực hiện dự án: 1.600 triệu đồng (ngân sách Thành phố); Dự kiến kế hoạch bố trí vốn năm 2023 là 600 triệu đồng và năm 2024, 2025: Phần còn lại.

6. Dự án nhóm C

7. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.

8. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: BQLDA đầu tư xây dựng.

9. Các thông tin khác:

9.1. Mục tiêu đầu tư:

- Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ của phường Phương Nam; phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta đó là uống nước nhớ nguồn.

9.2. Quy mô đầu tư

- Cải tạo các hạng mục đã xuống cấp; làm lại hệ thống điện chiếu sáng nhà bia và sân vườn.

- Xây lại cổng cho khuôn viên đài tưởng niệm; sơn lại hệ thống hàng rào xây gạch bao quanh và làm mới đoạn tường rào hoa sắt xuống cấp.

- Sửa chữa khoảng 10,0 m rãnh B600 trước mặt của khu đài tưởng niệm.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- UBND Thành phố đã báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý triển khai thực hiện tại Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023.

- UBND Thành phố đã giao cho phòng Quản lý đô thị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án tại Văn bản số 1415/UBND-TCKH ngày 09/5/2023 đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

- Công trình đã được Hội đồng thẩm định Thành phố thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số 15/BC-QLĐT ngày 09/5/2023 của phòng Quản lý đô thị.
2. Báo cáo thẩm định nội bộ số 119/BC-TCKH ngày 09/5/2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố.
3. Báo cáo thẩm định số 15/BC-HĐTĐ ngày 09/5/2023 của Hội đồng thẩm định Thành phố.

Phụ lục 06

Chủ trương đầu tư dự án: Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí

(Kèm theo Tờ trình số 964/TTr-UBND ngày 09/5/2023 của UBND Thành phố)

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí
2. Chủ đầu tư: BQLDA đầu tư xây dựng.
3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Tổ chức, cá nhân và nhân dân trong khu vực.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Phương Đông, thành phố Uông Bí.
5. Tổng vốn thực hiện dự án: 7.800 triệu đồng (ngân sách Thành phố); phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Nhân dân hiến đất, vật kiến trúc để bàn giao mặt bằng thi công; dự kiến kế hoạch bố trí vốn năm 2023 là 3.100 triệu đồng và năm 2024, 2025: Phần còn lại.
6. Dự án nhóm C
7. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.
8. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: BQLDA đầu tư xây dựng.
9. Các thông tin khác:
 - 9.1. Mục tiêu đầu tư:
 - Chính trang đô thị, hoàn thiện hạ tầng giao thông, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện của người dân tham gia giao thông trên tuyến đường.
 - 9.2. Quy mô đầu tư
 - Mở rộng làm nâng cấp tuyến đường có chiều dài khoảng 516m có chiều rộng mặt đường B=7,0m; Mặt đường bê tông nhựa loại C12.5, chiều dày mặt đường đã lên ép 5cm, rải thảm mặt đường bê tông nhựa (loại C19, R19), chiều dày mặt đường đã lên ép 7 cm.
 - Rãnh thoát nước dọc chịu lực phía đông đường B600.
 - Di chuyển đường ống cấp nước sinh hoạt và đấu nối hoàn trả lại đồng hồ nước cho các hộ dân.
 - Di chuyển và lắp đặt đường điện chiếu sáng, đường điện sinh hoạt cho nhân dân.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- UBND Thành phố đã báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý triển khai thực hiện tại Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023.

- UBND Thành phố đã giao cho phòng Quản lý đô thị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án tại Văn bản số 1415/UBND-TCKH ngày 09/5/2023 đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

- Công trình đã được Hội đồng thẩm định Thành phố thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số 16/BC-QLĐT ngày 09/5/2023 của phòng Quản lý đô thị.

2. Báo cáo thẩm định nội bộ số 120/BC-TCKH ngày 09/5/2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố.

3. Báo cáo thẩm định số 16/BC-HĐTĐ ngày 09/5/2023 của Hội đồng thẩm định Thành phố.

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XX - Kỳ họp thứ 12.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”.

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 21/3/2023 của HĐND Thành phố “Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về một số nội dung tại Hội nghị Ban Thường vụ chuyên đề tháng 5 năm 2023;

Sau khi rà soát nhu cầu đầu tư các công trình và được Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất tại Thông báo kết luận số 1072 - TB/TU ngày 09/5/2023, UBND Thành phố báo cáo và kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 21/3/2023 của HĐND Thành phố là 1.872.056 triệu đồng, trong đó:

1. Đối với ngân sách Trung ương: **33.556 triệu đồng** phân bổ cho dự án đường tuần tra bảo vệ rừng và khu di tích đặc biệt quốc gia Yên Tử thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối với ngân sách Tỉnh: **246.000 triệu đồng** phân bổ cho dự án Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí (130 tỷ đồng) và Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí (116 tỷ đồng).

3. Đối với vốn ngân sách thành phố: **1.592.500 triệu đồng**, bao gồm:

a) Vốn bổ trí dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: **569.019 triệu đồng**.

b) Vốn bố trí cho chương trình, dự án thực hiện giai đoạn 2021-2025 là **419.362 triệu đồng**.

c) Vốn bố trí cho chương trình, nhiệm vụ khác là **261.066 triệu đồng**.

d) Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn là **343.053 triệu đồng**, trong đó (1) Kế hoạch đã phân bổ là 281.029 triệu đồng; (2) Kế hoạch chưa phân bổ là 62.024 triệu đồng.

II. Nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 130.700,31 triệu đồng của 16 công trình, trong đó:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 128.600,068 triệu đồng của 07 công trình đầu tư cơ sở hạ tầng không còn phù hợp với định hướng phát triển của Thành phố, cụ thể:

(1) Khu dân cư sau Trạm Y tế phường Yên Thanh (tổ 18, khu Bí Giàng, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí) với tổng mức đầu tư là 14.000 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 12.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 0 triệu đồng.

(2) Khu dân cư tổ 29 khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí với tổng mức đầu tư là 17.000 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 14.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 0 triệu đồng.

(3) Khu dân cư tổ 30,31 khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí (giáp công ty giấy da Sao Vàng), thành phố Uông Bí với tổng mức đầu tư là 20.000 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 17.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 0 triệu đồng.

(4) Quy hoạch cơ sở hạ tầng thôn 3 xã Điền Công (nay là Khu Đèn Công 3, phường Trung Vương) với tổng mức đầu tư là 10.000 triệu đồng và kế hoạch vốn đã điều chỉnh giảm là 6.260,068 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.739,932 triệu đồng (Dự án đã thực hiện giai đoạn 1 và giải ngân 1.739,932 triệu đồng năm 2021 (1.200 triệu đồng) và năm 2022 (539,932 triệu đồng).

(5) Xây dựng cơ sở hạ tầng, GPMB khu dân cư phía đông 2 chợ trung tâm phường Phương Nam), thành phố Uông Bí với tổng mức đầu tư là 15.000 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 12.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 0 triệu đồng.

(6) Khu dân cư Cầu Sến, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí với tổng mức đầu tư là 66.640 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 66.640 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 0 triệu đồng.

(7) Quy hoạch cấp đất ở xen cư tại tổ 5, khu 1, phường Trung Vương với tổng mức đầu tư là 700 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 700 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 0 triệu đồng.

b) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2.100,242 triệu đồng của 09 công trình đã phê duyệt quyết toán còn thừa kế hoạch vốn, cụ thể:

(1) Tuyến đường xóm giữa đầu nối từ QL18A sang QL10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu Bí Trung 1, phường Phương Đông với tổng mức đầu tư là 6.303 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 74,241 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 6.228,759 triệu đồng.

(2) Kè mương thoát nước khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí với tổng mức đầu tư là 1.038 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 214,925 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 985,075 triệu đồng.

(3) Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND phường Thanh Sơn với tổng mức đầu tư là 2.000 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 892,265 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.107,735 triệu đồng.

(4) Nâng cấp cải tạo tuyến mương thoát nước tổ 1, tổ 7 khu 5 phường Thanh Sơn với tổng mức đầu tư là 672 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 104,735 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 645,265 triệu đồng.

(5) Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên UBND phường Trung Vương với tổng mức đầu tư là 500 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 32,892 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 467,108 triệu đồng.

(6) Sửa chữa trạm bơm và các công điều tiết nước, một số đoạn mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn khu Điện Công 1, Điện Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí với tổng mức đầu tư là 592 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 40,958 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 559,042 triệu đồng.

(7) Cầu bản giữa làng khu Chạp Khê, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí với tổng mức đầu tư là 850 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 359,567 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 490,433 triệu đồng.

(8) Nhà văn hóa khu 4, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí với tổng mức đầu tư là 2.947 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 255,543 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 2.691,271 triệu đồng.

(9) Tuyến mương Đồng Giáng thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí với tổng mức đầu tư là 1.400 triệu đồng và kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 125,116 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.274,884 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Bổ sung danh mục công trình Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho 07 công trình là 187.524,31 triệu đồng từ kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là 130.700,31 triệu đồng và kế hoạch chưa phân bổ trong dự phòng kế hoạch đầu tư công là 56.824 triệu đồng, cụ thể:

(1) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở UBND thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 147.000 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí là 147.000 triệu đồng.

(2) Xử lý sạt lở mái ta luy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 10.424,31 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí là 10.424,31 triệu đồng.

(3) Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh có tổng mức đầu tư là 14.500 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí là 14.500 triệu đồng.

(4) Chinh trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 5.000 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí là 5.000 triệu đồng.

(5) Chinh trang cầu Sông Sinh 2, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.200 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí là 1.200 triệu đồng.

(6) Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.600 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí là 1.600 triệu đồng.

(7) Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 7.800 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí là 7.800 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo)

III. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh là 1.872.056 triệu đồng, trong đó:

1. Đối với ngân sách Trung ương: **33.556 triệu đồng** phân bổ cho dự án đường tuần tra bảo vệ rừng và khu di tích đặc biệt quốc gia Yên Tử thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối với ngân sách Tỉnh: **246.000 triệu đồng** phân bổ cho dự án Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí (130 tỷ đồng) và Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí (116 tỷ đồng).

3. Đối với vốn ngân sách thành phố: **1.592.500 triệu đồng**, bao gồm:

a) Vốn bố trí dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: **569.019 triệu đồng**.

b) Vốn bố trí cho chương trình, dự án thực hiện giai đoạn 2021-2025 là **288.662 triệu đồng**.

c) Vốn bố trí cho chương trình, nhiệm vụ khác là **261.066 triệu đồng**.

d) Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn là **473.753 triệu đồng**, trong đó (1) Kế hoạch đã phân bổ là 468.553 triệu đồng; (2) Kế hoạch chưa phân bổ là **5.200 triệu đồng**.

(Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo)

UBND Thành phố báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt để UBND Thành phố thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KT HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP khóa XX;
- CT các PCT UBND TP (b/c);
- Lưu: VT, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoà

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số 968/TT-UBND ngày 09/5/2023 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn Ban phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt (chương trình, dự án)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP giai đoạn 2021-2025 (NQ 107 ngày 21/3/2023)	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tăng	Giảm		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	23			347.165	208.913.814	187.524.310	187.524.310	208.913.814	
B	DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025	16			159.641	146.889.814	0,000	130.700,310	16.189,504	
B.1	DỰ ÁN THÀNH PHỐ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	7			148.943	135.943,000	0,000	127.974,309	7.968,691	
III	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	7			148.943	135.943,000		127.974,309	7.968,691	
1	Tuyến đường xóm giữa đầu nối từ QL18A sang QL10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu Bì Trung 1, phường Phương Đông	1	35	21/10/2021	6.303	6.303,000		74,241	6.228,759	Đầu tư năm 2022; Đà PQQT
	Cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất	6			142.640	129.640,000		127.900,068	1.739,932	
2	Khu dân cư sau Trạm Y tế phường Yên Thanh (tổ 18, khu Bì Giang, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí)	1	35	21/10/2021	14.000	12.000,000		12.000,000	0,000	CT đầu tư CSHT không được triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh
3	Khu dân cư tổ 29 khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	17.000	14.000,000		14.000,000	0,000	CT đầu tư CSHT không được triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh
4	Khu dân cư tổ 30,31 khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí (giáp công ty giấy da Sao Vàng)	1	35	21/10/2021	20.000	17.000,000		17.000,000	0,000	CT đầu tư CSHT không được triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh
5	Quy hoạch cơ sở hạ tầng thôn 3 xã Điện Công (nay là Khu Đền Công 3, phường Trung Vương)	1	8973a	31/10/2019	10.000	8.000,000		6.260,068	1.739,932	CT đầu tư CSHT không được triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh; đã chi 1.739,932trđ
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng, GPMB khu dân cư phía đông 2 chợ trung tâm phường Phương Nam	1	35	21/10/2021	15.000	12.000,000		12.000,000	0,000	CT đầu tư CSHT không được triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP giai đoạn 2021-2025 (NQ 107 ngày 21/3/2023)	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tăng	Giảm		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
7	Khu dân cư Cầu Sến, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	66.640	66.640,000		66.640,000	0,000	CT đầu tư CSHT không được triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh
B.2	DỰ ÁN DO UBND XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	9			10.698	10.946,814		2.736,001	8.220,813	
I	Phường Quang Trung	1			1.038	1.200,000		214,925	985,075	
1	Kẻ mương thoát nước khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	1.038	1.200,000		214,925	985,075	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
II	Phường Thanh Sơn	2			2.672	2.750,000		997,000	1.753,000	
1	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	2.000	2.000,000		892,265	1.107,735	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Nâng cấp cải tạo tuyến mương thoát nước tổ 1, tổ 7 khu 5 phường Thanh Sơn	1	74	22/7/2022	672	750,000		104,735	645,265	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
VI	Phường Trung Vương	3			1.792	1.800,000		773,850	1.026,150	
1	Quy hoạch cấp đất ở xen cư tại tổ 5, khu 1, phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	700	700,000		700,000	0,000	CT đầu tư CSHT không được triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên UBND phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	500	500,000		32,892	467,108	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Sửa chữa trạm bơm và các công trình điều tiết nước, một số đoạn mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn khu Diên Công 1, Diên Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	592	600,000		40,958	559,042	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
VII	Phường Nam Khê	1			850	850,000		359,567	490,433	
1	Cầu bắc giữa làng khu Chạp Khê, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	850	850,000		359,567	490,433	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
IX	Phường Vàng Danh	1			2.947	2.946,814		255,543	2.691,271	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt, chương trình, dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP giai đoạn 2021-2025 (NQ 107 ngày 21/3/2023)	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tăng	Giảm		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nhà văn hóa khu 4, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021	2.947	2.946,814		255,543	2.691,271	Đầu tư năm 2022; Đã QT và kết toán
X	Xã Thượng Yên Công	1			1.400	1.400,000		125,116	1.274,884	
5	Tuyến đường Đồng Giáp thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	1.400	1.400,000		125,116	1.274,884	Đầu tư năm 2022; Đã QT và kết toán
D	DỰ PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN	7			187.524	62.024,000	187.524,310	56.824,000	192.724,310	
D.1	Công trình đề nghị bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	7			187.524	0,000	187.524,310	0,000	187.524,310	
1	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở UBND thành phố Uông Bí	1			147.000		147.000,000		147.000,000	
2	Xử lý sạt lở mái ta luy đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1			10.424		10.424,310		10.424,310	
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1			14.500		14.500,000		14.500,000	
4	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1			5.000		5.000,000		5.000,000	
5	Chỉnh trang cầu Sông Sinh 2, thành phố Uông Bí	1			1.200		1.200,000		1.200,000	
6	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1			1.600		1.600,000		1.600,000	
7	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1			7.800		7.800,000		7.800,000	
D.2	Kế hoạch chưa phân bổ					62.024,000		56.824,000	5.200,000	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số 968 /TTr-UBND ngày 09 /5/2023 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	130			2.617.621	825.943	1.872.056	279.556	1.592.500	
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025	38			1.453.276	825.943	602.575	33.556	569.019	
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	6			74.523	47.989	21.808		21.808	
1	Mở rộng Trường tiểu học Phương Đông B	1	8823	28/10/2019	11.344	9.000	1.807		1.807	Đa QT và tất toán
2	Trường Tiểu học Quang Trung phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	8854	30/10/2019	5.800	4.800	729		729	Đa QT và tất toán
3	Xây dựng nhà học 3 tầng trường THCS Trần Quốc Toản và Nhà rèn luyện thể chất	1	8856	30/10/2019	12.000	8.200	3.313		3.313	Đa QT và tất toán
4	Trường tiểu học Lê Hồng Phong, phường Bắc Sơn	1	6128	30/9/2020	11.931	11.872	59		59	Đa QT và tất toán
5	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng học trường TH Phương Nam A, phường Phương Nam, TP Uông Bí	1	8857	30/10/2019	5.580	4.117	836		836	Đa QT và tất toán
6	Trường Mầm Non Phương Đông, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (diem trường Khu Tân Lập)	1	8855	30/10/2019	27.868	10.000	15.065		15.065	Đa QT và tất toán
II	Lĩnh vực Văn hóa	3			110.720	36.130	54.359	33.556	20.803	
1	Đường tuần tra bảo vệ rừng và Khu di tích đặc biệt quốc gia Yên tử thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	936 Tỉnh	30/3/2016	65.000	19.800	33.556			Ngân sách thành phố đã bố trí 0 4,8 tỷ đồng GPĐ 2016-2020; CT Đa QT và tất toán
2	Chăm sóc, bảo tồn các cây Xích Tùng cổ tại Rừng quốc gia Yên Tử giai đoạn 2016-2020	1	4293 Tỉnh	31/10/2017	26.220	7.330	10.000		10.000	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử lưu niệm sự kiện Bác Hồ về thăm Ưng Bi năm 1965 phường Trung Vương	1	3709	26/6/2020	19.500	9.000	10.803		10.803	Đã QT và tất toán
III	Lĩnh vực Kinh tế	23			1.039.366	511.213	486.182		486.182	
1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vận chuyển vào Nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bi	1	1367	20/3/2018	79.600	74.753	2.993		2.993	Đã QT và tất toán
2	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn qua thành phố Uông Bi - thành phố Hạ Long theo hình thức BOT (GPMB thi công cầu vượt dân sinh)	1	1459	27/3/2018	979		979		979	Đã QT và tất toán
3	GPMB hộ gia đình ông Nguyễn Văn Rực, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bi	1	94	21/01/2013	656		656		656	Đã QT và tất toán
4	Tuyến đường đoạn từ ngã 3 Trần Phú đến nhà thi đấu thể thao người cao tuổi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bi	1	1524	03/4/2019	1.199	1.097	102		102	Đã QT và tất toán
5	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường vào Yên Từ	1	3302	21/6/2021	7.376	4.191	3.185		3.185	Đã QT và tất toán
6	Hạng mục: Đường dạo, cây xanh, đèn trang trí, tiểu cảnh xung quanh hồ công viên và cầu cảnh quan qua hồ công viên (đoạn từ đường Trần Phú đến biển tượng thành phố)	1	8862	30/10/2019	5.500	4.000	554		554	Đã QT và tất toán
7	Xây dựng tuyến đường gom Quốc lộ 18A đoạn từ phố Hòa Bình đến phố Yên Thanh, thành phố Uông Bi	1	6978	30/10/2018	3.435	1.603	1.576		1.576	Đã QT và tất toán
8	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối tuyến đường tránh phía nam thành phố theo quy hoạch	1	7018	31/10/2018	250.000	140.321	80.497		80.497	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Từ đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bi	1	7042	31/10/2018	172.014	154.578	17.436		17.436	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100 tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú	
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	
10	Công trình: Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphan khu dân cư hiện trạng	1	8858	30/10/2019	10.000	3.500	5.500			5.500	
11	Tuyến đường Trần Hưng Đạo (giai đoạn 2)	1	391	03/02/2021	150.000	2.500	147.000			147.000	Dư án bổ trí 97,5 tỷ đồng từ nguồn dự nguồn tiền lương
12	Đầu tư xây dựng tiếp DA đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu dân cư tại phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8860	30/10/2019	3.750	2.600	1.000			1.000	Đã QT và tất toán
13	Đường GT liên phường Trung Vương - Bắc Sơn, đoạn từ đập tràn nhà máy điện Uông Bí đến khu 12 khe (Đoạn từ cầu Hai Thanh đến đập tràn liên hợp (đập nhà ông Phi) khu 12 khe)	1	4963; 202	26/10/2012; 16/01/2020	18.000	10.932	6.000			6.000	
	Hạ tầng phát triển quỹ đất	10			336.857	111.139	218.702			218.702	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng quy hoạch cấp đất ở dân cư khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	3096	22/5/2020	5.955	4.784	184			184	Đã QT và tất toán
2	XD CSHT khu quy hoạch cấp đất dân cư tại tổ 2 khu 9 phường Thanh Sơn Thành phố Uông Bí	1	5941	21/9/2020	7.569	6.600	579			579	Đã QT và tất toán
3	Hạ tầng kỹ thuật cấp đất dân cư khu 4, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8005a	10/12/2020	5.291	2.684	1.470			1.470	Đã QT và tất toán
4	Khu dân cư đối Hang Hùm phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7031	31/10/2018	6.215	4.000	1.479			1.479	Đã QT và tất toán
5	Quy hoạch khu dân cư tổ 30 khu 8 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7036	31/10/2018	26.000	12.307	13.000			13.000	
6	Khu Tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	746; 1095	24/7/2019; 22/12/2020	145.000	38.000	109.419			109.419	
7	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở tại khu 3, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8828	29/10/2019	19.094	6.800	12.294			12.294	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
8	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8826	29/10/2019	31.276		31.276		31.276	
9	Khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C, khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8822	28/10/2019	6.270	2.600	3.670		3.670	
10	Khu Tái định cư phía Tây ngã 3 Cầu Sến tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	6918	24/11/2017	84.187	33.364	45.330		45.330	
IV	Lĩnh vực Bảo vệ Môi trường	2			101.106	185.265	9.676		9.676	
1	Đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu Di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	1	61T	10/01/2011	86.606	80.304	6.692		6.692	Đã QT và tất toán
2	Xây dựng cầu Miếu Bông thuộc dự án Đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	1	8881	30/10/2019	14.500	104.961	2.984		2.984	Đã QT và tất toán
IV	Lĩnh vực quản lý nhà nước	3			58.184	34.329	22.774		22.774	
1	Sửa chữa Trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7453a	26/10/2019	9.000	4.390	4.500		4.500	
2	Xây dựng trụ sở mới phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8864	30/10/2019	34.348	16.939	16.174		16.174	Đã QT và tất toán
3	Nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan Thành ủy thành phố Uông Bí	1	7921	28/10/2019	14.836	13.000	2.100		2.100	
V	Lĩnh vực quốc phòng, an ninh	1			69.377	11.016	7.776		7.776	
1	Hỗ trợ đầu tư Căn cứ chiến đấu thành phố Uông Bí	1	6216	30/10/2017	69.377	11.016	7.776		7.776	
B	DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025	68			437.343		418.662	130.000	288.662	
B.1	DỰ ÁN THÀNH PHỐ LÂM CHỦ ĐẦU TƯ	25			384.194		369.765	130.000	239.765	
I	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	3			19.648		19.703		19.703	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	35	21/10/2021	4.000		4.000		4.000	Đầu tư năm 2022
2	Trường tiểu học Lê Lợi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (nâng cấp)	1	35	21/10/2021	9.703		9.703		9.703	Đầu tư năm 2022
3	Trường tiểu học Trung Vương, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	35	21/10/2021	5.945		6.000		6.000	Đầu tư năm 2022
II	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin	2			5.485		4.961		4.961	
1	Xây dựng nhà văn hóa khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	14	23/7/2021	3.785		3.496		3.496	Đã QT và tất toán
2	Đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố Uông Bí ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	1	1088	22/12/2020	1.700		1.465		1.465	Đã QT và tất toán
III	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	16			342.866		329.138	130.000	199.138	
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Tân lập, phường Phương Đông đến đầu tuyến đường vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	1097	22/12/2020	9.500		9.400		9.400	Đã QT và tất toán
2	Nâng cấp, cải tạo đập tràn nối phường Quang Trung với phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	70	31/3/2021	8.000		7.264		7.264	Đã QT và tất toán
3	Chỉnh trang tuyến đường Trần Phú đoạn từ Quảng trường 25.2 đến nút giao ngã tư Trần Phú - Lũng Xanh phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	77	31/3/2021	21.500		21.500		21.500	Đầu tư năm 2021
4	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1	72	31/3/2021	190.000		186.372	130.000	56.372	Đầu tư năm 2022
5	Tuyến đường xóm giữa đầu nối từ QL18A sang QL10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu Bì Trung 1, phường Phương Đông	1	35	21/10/2021	6.303		6.229		6.229	Đầu tư năm 2022; Đa PDQT
6	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Cống khu Hiệp An 2	1	45	21/12/2021	25.000		25.000		25.000	Đầu tư năm 2022

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
7	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	3.854		3.854		3.854	Đầu tư năm 2022
8	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hạ Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	55	10/5/2022	5.500		5.500		5.500	Đầu tư năm 2022
9	Quy hoạch cấp đất xen cư phía Đông cầu Miếu Thán 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí; Hạng mục: Đường điện, cấp nước sinh hoạt, vỉa hè, vườn hoa, sân thể chất	1	55	10/5/2022	1.145		1.145		1.145	Đầu tư năm 2022
10	Chính trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	55	10/5/2022	15.000		15.000		15.000	Đầu tư năm 2022
11	Xây dựng nghĩa trang nhân dân 314 phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	5003; 3332	29/10/2012; 05/8/2013	2.500		2.500		2.500	
	Cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất	5			54.564		45.374		45.374	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm vỉa hè, rãnh thoát nước thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tự xây xen cư khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	1048	21/1/2020	4.000		3.845		3.845	Đã QT và tất toán
2	Hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và khu xen cư tại khu Tân Lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	1047	21/11/2020	23.500		23.500		23.500	Đầu tư năm 2021
3	Hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xen cư tại khu Nam Trung, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	74	31/3/2021	3.500		2.725		2.725	Đã QT và tất toán
4	Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	13.564		13.564		13.564	Đầu tư năm 2022

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
5	Quy hoạch cơ sở hạ tầng thôn 3 xã Điện Công (nay là Khu Dền Công 3, phường Trung Vương)	1	8973a	31/10/2019	10.000		1.740		1.740	CT đầu tư CSHT không được triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh; đã chi 1.739,932trđ
IV	Lĩnh vực quản lý nhà nước	3			6.194		5.963		5.963	
1	Sửa chữa nhà làm việc khối mặt trận tổ quốc và các đoàn thể	1	1090	22/12/2020	2.000		1.926		1.926	Đầu tư năm 2021; Đã QT và tất toán
2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của Trung tâm tổ chức hội nghị Thành phố	1	73	31/3/2021	1.894		1.767		1.767	Đầu tư năm 2021; Đã QT và tất toán
3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở trung tâm chính trị thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.300		2.270		2.270	Đầu tư năm 2022
V	Lĩnh vực Quốc phòng - An Ninh	1			10.000		10.000		10.000	
1	Xây dựng Trụ sở công an xã Thượng Yên Công	1	35	21/10/2021	10.000		10.000		10.000	Đầu tư năm 2022
B.2	DỰ ÁN DO UBND XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	43			53.150		48.897		48.897	
I	Phường Quang Trung	5			10.777		10.475		10.475	
1	Xây dựng nhà văn hóa khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.960		2.960		2.960	
2	Xây dựng mương thoát nước khu 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.606		2.606		2.606	
3	Mương thoát nước đoạn từ nhà ông Mộc ra ngã 3 Hồ Công Viên, phường Quang Trung (giai đoạn 1)	1	35	21/10/2021	1.210		936		936	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
4	Xây dựng kè chống sạt lở suối thoát nước đoạn từ cầu dân sinh tổ 5b, khu 1 đến đường công vụ vào bãi đất Hang Hùm (giai đoạn 2)	1	74	22/7/2022	2.963		2.988		2.988	
5	Kè mương thoát nước khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	1.038		985		985	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
II	Phường Thanh Sơn	6			4.782		3.413		3.413	
1	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	2.000		1.108		1.108	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Đường bê tông ngõ 50, phố Lý Thường Kiệt phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	450		200		200	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Rãnh thoát nước + Mái chống nóng nhà văn hóa khu 4, phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	458		200		200	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
4	Nâng cấp, mở rộng đường vào nhà Văn hóa khu 7 phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	610		610		610	
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến rãnh thoát nước tổ 3 khu 3, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	592		650		650	
6	Nâng cấp cải tạo tuyến mương thoát nước tổ 1, tổ 7 khu 5 phường Thanh Sơn	1	74	22/7/2022	672		645		645	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
III	Phường Yên Thanh	5			4.800		4.159		4.159	
1	Xây dựng rãnh thoát nước từ đường Trần Hưng Đạo (Văn phòng HTX Vận tải Đức Phức) đến cống Sóng Sinh, khu I phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	1	35	21/10/2021	500		248		248	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Nâng cấp đường bê tông, xây dựng rãnh thoát nước tổ 17, khu Bí Giang, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí (Đoạn từ nhà ông Bùi Xuân Quyền đầu nổi và dự án Tân Thành)	1	35	21/10/2021	1.100		1.100		1.100	
3	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 17-18 khu Bí Giang (đoạn từ nhà ông Phạm Văn Nghĩa đến nhà ông Trần Đình Hùng) phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	1	35	21/10/2021	700		488		488	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
4	Xây dựng rãnh thoát nước tổ 15 khu Lạc Thanh phường Yên Thanh	1	35	21/10/2021	500		323		323	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
5	Nạo vét các tuyến mương và sửa chữa cánh phai cống trên địa bàn phường Yên Thanh	1	74	22/7/2022	2.000		2.000		2.000	
IV	Phường Phương Đông	3			6.460		6.200		6.200	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tuyến đường từ nhà bà Đỗ Thị Nga đến khu đồng Đường Chè, khu Bì Thượng, phường Phương Đông	1	35	21/10/2021	2.056		1.900			1.900
2	Xây dựng tuyến đường từ tổ 2 đến tổ 3, khu Đồng Minh, phường Phương Đông	1	35	21/10/2021	1.944		1.800			1.800
3	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hường tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	74	22/7/2022	2.460		2.500			2.500
V	Phường Phương Nam	2			4.438		4.438			4.438
1	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành phường Phương Nam	1	45	21/12/2021	3.688		3.688			3.688
2	Sửa chữa, thay thế thiết bị các cống điều tiết nước trên địa bàn phường Phương Nam	1	74	22/7/2022	750		750			750
VI	Phường Trung Vương	6			3.782		3.593			3.593
1	Đường nội đồng đoạn từ Lỗ Lãi đến đầu ruộng nhà ông Thẩm thôn 2 (nay là khu Đền Công 2, phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	950		950			950
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 13, khu 2, phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	700		652			Đầu tư năm 2022; Đã QT và lát toàn
3	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến nhà ông Đại khu Đền Công 2	1	35	21/10/2021	490		445			Đầu tư năm 2022; Đã QT và lát toàn
4	Lắp điện chiếu sáng, điện sinh hoạt đoạn từ công trường lên nhà văn hóa khu 4, phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	550		519			Đầu tư năm 2022; Đã QT và lát toàn
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên UBND phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	500		467			Đầu tư năm 2022; Đã QT và lát toàn
6	Sửa chữa trạm bơm và các cống điều tiết nước, một số đoạn đường nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn khu Đền Công 1, Đền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	592		559			Đầu tư năm 2022; Đã QT và lát toàn
VII	Phường Nam Khê	3			2.237		1.540			1.540

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Cầu bần giữa làng khu Chạp Khê, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	850		490		490	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Nâng cấp tuyến đường giao thông tổ 6 đoạn phía sau NVH khu Tre Mai	1	35	21/10/2021	850		500		500	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Xử lý sụt lún đường giao thông giữa làng khu Chạp Khê sau mưa bão (đoạn từ công nhà thờ Chạp Khê đến nhà ông Miến)	1	74	22/7/2022	537		550		550	
VIII	Phường Bắc Sơn	2			3.100		3.100		3.100	
1	Rãnh thoát nước khu 3, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	2.500		2.500		2.500	
2	Nạo vét Đập Rừng Thông khu 4, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	600		600		600	
IX	Phường Vàng Danh	6			7.794		7.193		7.193	
1	Nhà văn hóa khu 4, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021	2.947		2.691		2.691	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Kè chống sạt lở tổ 5, khu 5B, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021	961		807		807	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Cải tạo, nâng cấp cầu dân sinh tổ 7, khu 5B, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021	866		674		674	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
4	Xử lý sụt lún và cải tạo đường dân sinh tổ 5, khu 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	220		220		220	
5	Cải tạo, nâng cấp Đập tràn Miếu Thần, phường Vàng Danh	1	74	22/7/2022	2.000		2.000		2.000	
6	Xử lý sạt lở và cải tạo khuôn viên Nhà văn hóa khu 1, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	800		800		800	
X	Xã Thượng Yên Công	5			4.981		4.787		4.787	
1	Đường vào xóm ông Nghè thôn Quan Điền - Khe Thần, xã TYC, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021	308		293		293	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Tuyến đường xóm ông Hóa thôn Năm Mẫu 1, xã TYC, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021	466		446		446	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
3	Đường giao thông nội đồng tuyến gốc Quáo, thôn Khe Sù 1, xã Thượng Yên Công, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021	862		829		829	Đầu tư năm 2022; Đã QT và lát toàn
4	Tuyến đường nội đồng sang khu cánh đồng xóm ông Hồng thôn Đồng Chanh	1	35	21/10/2021	1.944		1.944		1.944	
5	Tuyến đường Đồng Giăng thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	1.400		1.275		1.275	Đầu tư năm 2022; Đã QT và lát toàn
C	CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHÁC	1			358.553		377.066	116.000	261.066	
C.1	Hỗ trợ xã Thượng Yên Công thực hiện chương trình nông thôn mới						3.000		3.000	
C.2	Hỗ trợ các xã phường thanh toán các công trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020 chuyển sang						65.000		65.000	
C.3	Vốn bố trí thanh toán cho dự án Quyết toán hoàn thành, chương trình nhiệm vụ khác						30.000		30.000	
C.4	Hoàn trả tiền sử dụng đất và giải phóng mặt bằng dự án khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí						82.528		82.528	
C.5	Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng nhà công vụ tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí						700		700	
C.6	Vốn bố trí cho chương trình, dự án đã được cụ thể hóa cần ưu tiên theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thành ủy, Hội đồng nhân dân				220.560		30.209		30.209	
1	Vốn bố trí thực hiện đề án nhân rộng thành phố thông minh				135.380		15.209		15.209	Theo QĐ số 7090a/QĐ-UBND thành phố, tổng kinh phí thực hiện là 135.380 tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
2	Vốn bố trí thực hiện phương án phát triển rừng bền vững của Ban quản lý di tích và rừng quốc gia Yên Tử giai đoạn 2021-2025				85.180		15.000	15.000		Quyết định 1282/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý di tích và rừng quốc gia Yên Tử giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
C.7	Hoàn trả kinh phí GPMB của Tiểu dự án Phả Lại - Hạ Long				17.993		16.629		16.629	
C.8	Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án đề nghị Tỉnh hỗ trợ thực hiện giai đoạn 2022-2025	1			120.000		137.000	116.000	21.000	
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí	1	74	22/7/2022	120.000		137.000	116.000	21.000	TMĐT phê duyệt: 120 tỷ đồng; NS Tỉnh hỗ trợ 116 tỷ đồng
C.9	Vốn chuẩn bị đầu tư, thực hiện nhiệm vụ quy hoạch						12.000		12.000	
D	DỰ PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN	23			368.449		473.753		473.753	
D.1	Kế hoạch đã phân bổ	23			368.449		468.553		468.553	
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Tiểu khu EI, E3 khu đô thị hiện hữu phường Phương Đông thuộc khu đô thị Tây thành phố (phần khu E) thành phố Uông Bí	1	6493	12/8/2019	361		361		361	
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị phường Vàng Danh thành phố Uông Bí (khu B.1, phần khu B) tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	6666	22/8/2019	1.530		1.530		1.530	
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị phường Bắc Sơn (phần khu J), thành phố Uông Bí	1	6134	25/7/2019	1.109		1.109		1.109	
4	Lắp dựng chốt kiểm soát dịch bệnh Covid-19 tại Cầu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	4529a	22/8/2021	3.294		3.132		3.132	Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
5	Sửa chữa, cải tạo nhà chung cư 9 tầng thuộc Nhà máy Chế tạo thiết bị nâng hạ - Công ty cổ phần tập đoàn công nghiệp Quang Trung làm điểm thu dung, cách ly điều trị bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn thành phố	1	761	10/02/2022	2.009		1.889			1.889 Đã QT và tắ toán
6	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1					103.386			BS KH vốn tại NQ 86 ngày 14/11/2022
7	Khắc phục sạt lở bờ bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến cống 5 cửa, khu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	85	14/11/2022	4.500		1.500			BS DM tại NQ 86 ngày 14/11/2022
8	Kê đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Lân Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	1.500		1.500			BS DM tại NQ 102 ngày 22/12/2022
9	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	3.000		3.000			BS DM tại NQ 102 ngày 22/12/2023
10	Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	9.000		9.000			BS DM tại NQ 102 ngày 22/12/2024
11	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	2.822		2.822			BS DM tại NQ 102 ngày 22/12/2025
12	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	1.200		1.200			BS DM tại NQ 102 ngày 22/12/2026
13	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí – Hoàng Bồ phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	600		600			BS DM tại NQ 102 ngày 22/12/2027
14	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	60.000		60.000			BS DM tại NQ 102 ngày 22/12/2028
15	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	65.000		65.000			BS DM tại NQ 102 ngày 22/12/2029

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW và NS Tỉnh	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
16	Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đá Bạc - VINACOMIN)	1	101	22/12/2022	25.000		25.000		25.000	BS DM tại NQ 102 ngày 22/12/2030
17	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở UBND thành phố Uông Bí	1			147.000		147.000		147.000	
18	Xử lý sạt lở mái ta luy đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	1			10.424		10.424		10.424	
19	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1			14.500		14.500		14.500	
20	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1			5.000		5.000		5.000	
21	Chỉnh trang cầu Sông Sinh 2, thành phố Uông Bí	1			1.200		1.200		1.200	
22	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1			1.600		1.600		1.600	
23	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1			7.800		7.800		7.800	
D.2	Kế hoạch chưa phân bổ						5.200		5.200	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 957/TTr-UBND

Uông Bí, ngày 09 tháng 5 năm 2023



TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị giới thiệu nhân sự bầu cử bổ sung
Ủy viên UBND thành phố khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: Kỳ họp thứ 12 - Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XX.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2021/NĐ-CP, ngày 16/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP, ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-CAT-PX01, ngày 21/4/2023 của Giám đốc Công an tỉnh Quảng Ninh về việc điều động cán bộ;

Với cương vị là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí tôi xin trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét bầu cử bổ sung chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026 cụ thể như sau:

Bầu cử bổ sung chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông **Đỗ Văn Thiết** - Trưởng Công an thành phố.

Ông **Đỗ Văn Thiết** - Sinh ngày: 28/02/1974;

Quê quán: Liên Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi ở hiện nay: Số 6, Mỹ Gia 2, Vinhomes, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh;

Ngày vào Đảng: 31/12/1999; chính thức 31/12/2000;

Trình độ văn hóa 12/12;

Trình độ chuyên môn: Đại học cảnh sát;

Lý luận chính trị: Cao cấp;

Chức vụ bầu cử: Ủy viên Ủy ban nhân dân, khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Kính trình kỳ họp thứ 12, Hội đồng nhân dân Thành phố Uông Bí khóa XX thảo luận và quyết nghị./.

Nơi nhận:

- TT Thành ủy, HĐND thành phố (b/c);
- Các ban HĐND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Phạm Tuấn Đạt